

DANH SÁCH HỌC SINH DỰ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP QUẬN (VÒNG 2)
NĂM HỌC 2018 - 2019

STT	MÔN THI	TRƯỜNG	HỌ LÓT	TÊN	GIỚI TÍNH	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	SBD	PHÒNG THI	SỐ TỜ	KÝ TÊN
1	Sinh học	THCS Thăng Long	Dương Đoàn Thái	An	Nữ	9A2	Tp. HCM	23-06-2004	SV01	1		
2	Sinh học	THCS Lê lợi	Nguyễn Võ Thiên	Ấn	Nữ	9-1	TP Hồ Chí Minh	23-06-2004	SV02	1		
3	Sinh học	THCS Bạch Đằng	Trần Ngọc Thiên	Ấn	Nữ	9A3	Đồng Nai	06-11-2004	SV03	1		
4	Sinh học	THCS Hai Bà Trưng	Đặng Hoàng Lan	Anh	Nữ	9/9	TP.Hồ Chí Minh	16-04-2004	SV04	1		
5	Sinh học	THCS Hai Bà Trưng	Phạm Minh	Anh	Nữ	9/6	TP.Hồ Chí Minh	19-10-2004	SV05	1		
6	Sinh học	THCS Kiến Thiết	Tăng Dũng	Cầm	Nam	9A2	TP.HCM	24-08-2004	SV06	1		
7	Sinh học	THCS Kiến Thiết	Tô Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	9A2	TP.HCM	18-01-2004	SV07	1		
8	Sinh học	THCS Lê Quý Đôn	Phan Trần Lâm	Duy	Nam	9_13	Tp HCM	17-05-2004	SV08	1		
9	Sinh học	THCS Kiến Thiết	Lý Đức	Hiền	Nam	9A2	TP.HCM	11-09-2004	SV09	1		
10	Sinh học	THCS Colette	Lê Nguyễn Gia	Huy	Nam	93	TP.HCM	12-07-2004	SV10	1		
11	Sinh học	THCS Kiến Thiết	Nghiêm Duy	Khang	Nam	9A2	TP.HCM	02-04-2004	SV11	1		
12	Sinh học	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Phương	Khanh	Nữ	9/9	TP.Hồ Chí Minh	20-05-2004	SV12	1		
13	Sinh học	THCS Lê lợi	Phạm Đoàn Bảo	Khanh	Nữ	9-1	TP Hồ Chí Minh	28-10-2004	SV13	1		
14	Sinh học	THCS Lê Quý Đôn	Phạm Thy	Khanh	Nữ	9_16	Tp HCM	01-06-2004	SV14	1		
15	Sinh học	THCS Colette	Ngô Gia	Khánh	Nữ	93	TP.HCM	10-02-2004	SV15	1		
16	Sinh học	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Hoàng Kim	Khánh	Nữ	9/9	TP.Hồ Chí Minh	07-12-2004	SV16	1		
17	Sinh học	THCS Lê Quý Đôn	Ninh Diệu Bảo	Khánh	Nữ	9_13	Tp HCM	08-05-2004	SV17	1		
18	Sinh học	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Đông	Khoa	Nam	9/7	TP.Hồ Chí Minh	20-07-2004	SV18	1		
19	Sinh học	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Hoàng Khánh	Linh	Nữ	9/9	TP.Hồ Chí Minh	13-11-2004	SV19	1		
20	Sinh học	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Uyên Các	Minh	Nữ	9/2	TP.Hồ Chí Minh	20-07-2004	SV20	1		
21	Sinh học	THCS Lê lợi	Lê Quỳnh Thu	Ngân	Nữ	9-8	TP Hồ Chí Minh	28-02-2004	SV21	1		
22	Sinh học	THCS Kiến Thiết	Nguyễn Phương	Ngân	Nữ	9A2	TP.HCM	04-11-2004	SV22	1		
23	Sinh học	THCS Hai Bà Trưng	Lê Ngọc Yến	Nhi	Nữ	9/7	Bình Dương	16-11-2004	SV23	1		
24	Sinh học	THCS Bạch Đằng	Trịnh Ngọc	Nhi	Nữ	9A1	Q1-TP Hồ Chí Minh	21-05-2004	SV24	1		
25	Sinh học	THCS Bạch Đằng	Hồ Thái	Phúc	Nam	9A2	TP Hồ Chí Minh	23-05-2004	SV25	1		
26	Sinh học	THCS Lê lợi	Mã Hoàng	Phúc	Nam	9-1	TP Hồ Chí Minh	08-09-2004	SV26	1		
27	Sinh học	THCS Lê Quý Đôn	Diệp Trương Minh	Phượng	Nữ	9_07	Tp HCM	19-05-2004	SV27	1		
28	Sinh học	THCS Kiến Thiết	Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	9A2	Khánh Hòa	13-03-2004	SV28	1		
29	Sinh học	THCS Hai Bà Trưng	Tôn Nữ Thanh	Thanh	Nữ	9/9	TP.Hồ Chí Minh	22-02-2004	SV29	1		
30	Sinh học	THCS Colette	Đặng Bá	Thành	Nam	91	TP.HCM	05-09-2004	SV30	1		
31	Sinh học	THCS Hai Bà Trưng	Lê Anh	Thảo	Nữ	9/9	TP.Hồ Chí Minh	04-06-2004	SV31	1		
32	Sinh học	THCS Bạch Đằng	Nguyễn Hoài Thanh	Thảo	Nữ	9A1	HẬU GIANG	25-04-2004	SV32	1		
33	Sinh học	THCS Bàn Cờ	Điền Phan Hoàng	Thịnh	Nam	9/1	TP.HCM	06-01-2004	SV33	1		

STT	MÔN THI	TRƯỜNG	HỌ LÓT	TÊN	GIỚI TÍNH	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	SBD	PHÒNG THI	SỐ TỜ	KÝ TÊN
34	Sinh học	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Thị Huyền	Trần	Nữ	9/9	TP.Hồ Chí Minh	12-12-2004	SV34	1		
35	Sinh học	THCS Bàn Cờ	Võ Ngọc Thùy	Trang	Nữ	9/1	TP.HCM	19-04-2004	SV35	1		
36	Sinh học	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Hoàng Phương	Uyên	Nữ	9_13	Tp HCM	12-11-2004	SV36	1		
37	Hóa học	THCS Bàn Cờ	Lê Quốc	An	Nam	9/2	TP.HCM	03-03-2004	HH01	2		
38	Hóa học	THCS Kiến Thiết	Lê Hoàng Minh	Anh	Nữ	9A1	Bình Thuận	02-01-2004	HH02	2		
39	Hóa học	THCS Colette	Nguyễn Quân Vân	Anh	Nữ	93	TP.HCM	22-03-2004	HH03	2		
40	Hóa học	THCS Lê Quý Đôn	Phạm Lê Quỳnh	Anh	Nữ	9_10	Tp HCM	26-07-2004	HH04	2		
41	Hóa học	THCS Hai Bà Trưng	Trần Đỗ Phương	Anh	Nữ	9/9	TP.Hồ Chí Minh	17-08-2004	HH05	2		
42	Hóa học	THCS Colette	Trương Quốc	Anh	Nam	93	TP.HCM	11-01-2004	HH06	2		
43	Hóa học	THCS Colette	Bùi Đỗ Ngọc	Ánh	Nữ	91	TP.HCM	11-10-2004	HH07	2		
44	Hóa học	THCS Lê lợi	Lâm Quốc	Bảo	Nam	9-2	Vĩnh Long	22-08-2004	HH08	2		
45	Hóa học	THCS Colette	Trần Ngọc	Bích	Nữ	91	TIỀN GIANG	31-08-2004	HH09	2		
46	Hóa học	THCS Bạch Đằng	Nguyễn Đình Hải	Đăng	Nam	9A1	Bình Thuận	19-09-2004	HH10	2		
47	Hóa học	THCS Hai Bà Trưng	Phùng Khắc	Duy	Nam	9/9	TP.Hồ Chí Minh	17-08-2004	HH11	2		
48	Hóa học	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Đình Khánh	Giang	Nữ	9_07	Tp HCM	17-06-2004	HH12	2		
49	Hóa học	THCS Lê Quý Đôn	Đỗ Ngân	Hà	Nữ	9_07	Tp HCM	28-10-2004	HH13	2		
50	Hóa học	THCS Thăng Long	Nghiêm Quang	Hiền	Nam	9A1	Tp. HCM	20-02-2004	HH14	2		
51	Hóa học	THCS Bàn Cờ	Phạm Trần Minh	Hoàng	Nam	9/2	TP.HCM	25-05-2004	HH15	2		
52	Hóa học	THCS Bạch Đằng	Phạm Thiên	Hương	Nữ	9A2	TP Hồ Chí Minh	11-12-2004	HH16	2		
53	Hóa học	TH, THCS VÀ THPT QUỐC TANG VIỆT	Tăng Việt	Hương	Nữ	9/18	TP Hồ Chí Minh	05-11-2004	HH17	2		
54	Hóa học	THCS Lê lợi	Phạm Trần Quang	Huy	Nam	9-10	TP Hồ Chí Minh	30-11-2004	HH18	2		
55	Hóa học	THCS Lê Quý Đôn	Phan Nguyễn Khang	Hy	Nam	9_07	Tp HCM	26-07-2004	HH19	2		
56	Hóa học	THCS Lê Quý Đôn	Đặng Minh	Khang	Nam	9_01	Tp HCM	29-03-2004	HH20	2		
57	Hóa học	THCS Bạch Đằng	Lê Vĩnh	Khang	Nam	9A3	TP Hồ Chí Minh	20-10-2004	HH21	2		
58	Hóa học	THCS Bạch Đằng	Nguyễn Anh An	Khang	Nam	9A2	Tân Bình-TP. Hồ Chí Minh	14-12-2004	HH22	2		
59	Hóa học	THCS Lê lợi	Nguyễn Lê Ngọc	Khánh	Nữ	9-2	TP Hồ Chí Minh	16-05-2004	HH23	2		
60	Hóa học	THCS Lê lợi	Bùi Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	9-1	TP Hồ Chí Minh	18-06-2004	HH24	2		
61	Hóa học	THCS Đoàn Thị Điểm	Phan Minh	Khoa	Nam	9A4	Tp HCM	02-05-2004	HH25	2		
62	Hóa học	THCS Hai Bà Trưng	Lê Phước Chí	Kiên	Nam	9/2	TP.Hồ Chí Minh	03-08-2004	HH26	2		
63	Hóa học	THCS Bàn Cờ	Hà Gia	Kiệt	Nam	9/2	TP.HCM	20-08-2004	HH27	2		
64	Hóa học	THCS Lê Quý Đôn	Trương Minh	Lân	Nam	9_13	Tp HCM	05-03-2004	HH28	2		
65	Hóa học	TH, THCS VÀ THPT QUỐC TANG VIỆT	Trần Quốc Bảo	Long	Nam	9/17	TP Hồ Chí Minh	02-11-2004	HH29	2		
66	Hóa học	THCS Lê Quý Đôn	Chế Công Ngọc	Minh	Nam	9_12	Tp HCM	17-03-2004	HH30	2		
67	Hóa học	THCS Lê Quý Đôn	Lương Nguyễn Đức	Minh	Nam	9_01	Tp HCM	26-02-2004	HH31	3		
68	Hóa học	THCS Lê Quý Đôn	Võ Cao Nhật	Minh	Nam	9_02	Tp HCM	13-05-2004	HH32	3		
69	Hóa học	THCS Kiến Thiết	Phạm Kim	Ngân	Nữ	9A1	TP. HCM	19-10-2004	HH33	3		
70	Hóa học	THCS Thăng Long	Bùi Ngọc Phương	Nghi	Nữ	9A1	Tp. HCM	16-06-2004	HH34	3		
71	Hóa học	THCS Lê Quý Đôn	Đỗ Ngọc Phương	Nghi	Nữ	9_07	Tp HCM	10-08-2004	HH35	3		
72	Hóa học	THCS Lê Quý Đôn	Ngô Lê Thảo	Nghi	Nữ	9_07	Tp HCM	01-12-2004	HH36	3		
73	Hóa học	THCS Thăng Long	Phạm Đức	Nghĩa	Nam	9A1	Tp. HCM	27-07-2004	HH37	3		

STT	MÔN THI	TRƯỜNG	HỌ LÓT	TÊN	GIỚI TÍNH	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	SBD	PHÒNG THI	SỐ TỜ	KÝ TÊN
74	Hóa học	TH, THCS VÀ THPT QU	Nguyễn Minh Bảo	Ngọc	Nữ	9/15	TP Hồ Chí Minh	18-07-2004	HH38	3		
75	Hóa học	THCS Lê Quý Đôn	Phan Hồng Thảo	Nguyễn	Nữ	9_02	Tp HCM	07-05-2004	HH39	3		
76	Hóa học	THCS Lê lợi	Lâm Quang	Nhật	Nam	9-2	TP Hồ Chí Minh	23-06-2004	HH40	3		
77	Hóa học	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Minh	Phú	Nam	9_02	Tp HCM	23-01-2004	HH41	3		
78	Hóa học	THCS Bàn Cờ	Nguyễn Hữu	Phúc	Nam	9/2	TP.HCM	12-07-2004	HH42	3		
79	Hóa học	THCS Lê Quý Đôn	Võ Hoàng Quỳnh	Phương	Nữ	9_02	Tp HCM	15-10-2004	HH43	3		
80	Hóa học	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Lâm Đông	Quân	Nam	9_12	Tp HCM	05-03-2004	HH44	3		
81	Hóa học	THCS Đoàn Thị Điểm	Hoàng Thị Ngọc	Quý	Nữ	9A2	Tp HCM	26-01-2004	HH45	3		
82	Hóa học	THCS Bạch Đằng	Trương Bá Tuấn	Sang	Nam	9A3	Lâm Đồng	05-02-2004	HH46	3		
83	Hóa học	THCS Lê Quý Đôn	Vương Huy	Thái	Nam	9_05	Tp HCM	26-03-2004	HH47	3		
84	Hóa học	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Phúc	Thịnh	Nam	9_07	Tp HCM	13-11-2004	HH48	3		
85	Hóa học	THCS Lê Quý Đôn	Trần Minh	Thư	Nữ	9_07	Tp HCM	11-11-2004	HH49	3		
86	Hóa học	TH, THCS VÀ THPT QU	Võ Thái Minh	Thư	Nữ	9/17	TP Hồ Chí Minh	15-06-2004	HH50	3		
87	Hóa học	THCS Bàn Cờ	Vũ Hoàng Anh	Thy	Nữ	9/2	TP.HCM	13-01-2004	HH51	3		
88	Hóa học	THCS Đoàn Thị Điểm	Nguyễn Trung	Tiến	Nam	9A5	Tp HCM	10-01-2004	HH52	3		
89	Hóa học	THCS Lê Quý Đôn	Phạm Bảo	Trân	Nữ	9_07	Tp HCM	03-11-2004	HH53	3		
90	Hóa học	THCS Bàn Cờ	Lê Thanh	Trí	Nam	9/2	TP.HCM	11-05-2004	HH54	3		
91	Hóa học	THCS Lê Quý Đôn	Ngô Nhựt	Trường	Nam	9_07	Tp HCM	09-03-2004	HH55	3		
92	Hóa học	THCS Colette	Vũ Huỳnh Hương	Vi	Nữ	93	TP.HCM	26-01-2004	HH56	3		
93	Hóa học	TH, THCS VÀ THPT QU	Trần Quốc	Việt	Nam	9/22	TP Hồ Chí Minh	19-09-2004	HH57	3		
94	Hóa học	THCS Bàn Cờ	Phạm Ngọc Hồng	Vy	Nữ	9/2	TP.HCM	16-08-2004	HH58	3		
95	Hóa học	TH, THCS VÀ THPT QU	Phạm Thị Diệu	Vy	Nữ	9/17	Quảng Ngãi	19-10-2004	HH59	3		
96	Hóa học	THCS Đoàn Thị Điểm	Trần Nguyễn Xuân	Yến	Nữ	9A4	Tp HCM	21-01-2004	HH60	3		
97	Khoa học tự nhiên	THCS Bàn Cờ	Nguyễn Thế	Bảo	Nam	9/3	TP.HCM	26-12-2004	KK01	4		
98	Khoa học tự nhiên	THCS Lê lợi	Huỳnh Tấn	Đạt	Nam	9-4	TP Hồ Chí Minh	23-08-2004	KK02	4		
99	Khoa học tự nhiên	THCS Đoàn Thị Điểm	Đặng Phương	Giao	Nữ	9A4	Tp HCM	21-08-2004	KK03	4		
100	Khoa học tự nhiên	THCS Lê Quý Đôn	Dương Việt	Hà	Nữ	9_15	Tp HCM	27-07-2004	KK04	4		
101	Khoa học tự nhiên	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	9/7	TP.Hồ Chí Minh	16-09-2004	KK05	4		
102	Khoa học tự nhiên	THCS Lê Quý Đôn	Trần Võ Khánh	Hân	Nữ	9_10	Tp HCM	10-04-2004	KK06	4		
103	Khoa học tự nhiên	THCS Đoàn Thị Điểm	Trịnh Bảo	Hân	Nữ	9A4	Long An	20-06-2004	KK07	4		
104	Khoa học tự nhiên	THCS Bàn Cờ	Lê Phan Hiếu	Hạnh	Nữ	9/1	TP.HCM	20-10-2004	KK08	4		
105	Khoa học tự nhiên	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn	Hiền	Nam	9_16	Tp HCM	24-01-2004	KK09	4		
106	Khoa học tự nhiên	THCS Đoàn Thị Điểm	Võ Lê Đức	Huy	Nam	9A4	Tp HCM	02-01-2004	KK10	4		
107	Khoa học tự nhiên	THCS Lê Quý Đôn	Lê Quốc	Khánh	Nam	9_01	Tp HCM	19-08-2004	KK11	4		
108	Khoa học tự nhiên	THCS Lê Quý Đôn	Cao Bảo	Khôi	Nam	9_01	Tp HCM	04-07-2004	KK12	4		
109	Khoa học tự nhiên	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Minh	Khôi	Nam	9_15	Tp HCM	26-05-2004	KK13	4		
110	Khoa học tự nhiên	THCS Lê lợi	Phạm Đình Anh	Khôi	Nam	9-4	TP Hồ Chí Minh	18-08-2004	KK14	4		
111	Khoa học tự nhiên	THCS Lê Quý Đôn	Phan Lương	Kiệt	Nam	9_15	Tp HCM	17-11-2004	KK15	4		
112	Khoa học tự nhiên	THCS Bàn Cờ	Bùi Thọ Minh	Ký	Nam	9/1	TP.HCM	11-12-2004	KK16	4		
113	Khoa học tự nhiên	THCS Bạch Đằng	Vĩnh Nguyễn Hoàng	Lam	Nữ	9A2	TP Hồ Chí Minh	16-06-2004	KK17	4		

STT	MÔN THI	TRƯỜNG	HỌ LÓT	TÊN	GIỚI TÍNH	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	SBD	PHÒNG THI	SỐ TỜ	KÝ TÊN
114	Khoa học tự nhiên	THCS Lê lợi	Ngô Quang	Liêm	Nam	9-2	TP Hồ Chí Minh	17-08-2004	KK18	4		
115	Khoa học tự nhiên	THCS Bàn Cờ	Bùi Lê Ngọc	Linh	Nữ	9/3	TP.HCM	02-08-2004	KK19	4		
116	Khoa học tự nhiên	THCS Lê Quý Đôn	Lê Bửu	Linh	Nữ	9_02	Tp HCM	10-03-2004	KK20	4		
117	Khoa học tự nhiên	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Hoàng Khánh	Linh	Nữ	9/9	TP.Hồ Chí Minh	13-11-2004	KK21	4		
118	Khoa học tự nhiên	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Hà Bình	Minh	Nữ	9_12	Tp HCM	16-08-2004	KK22	4		
119	Khoa học tự nhiên	THCS Bạch Đằng	Nguyễn Hồ Hải	Nam	Nam	9A2	TP Hồ Chí Minh	23-09-2004	KK23	4		
120	Khoa học tự nhiên	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Khánh	Ngân	Nữ	9/6	TP.Hồ Chí Minh	11-10-2004	KK24	4		
121	Khoa học tự nhiên	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Đặng Trung	Nhân	Nam	9_01	Tp HCM	08-08-2004	KK25	4		
122	Khoa học tự nhiên	THCS Lê lợi	Võ Hoàng	Phúc	Nam	9-2	TP Hồ Chí Minh	09-09-2004	KK26	4		
123	Khoa học tự nhiên	THCS Lê Quý Đôn	Đoàn Lê Nam	Phương	Nữ	9_02	Tp HCM	11-08-2004	KK27	4		
124	Khoa học tự nhiên	THCS Đoàn Thị Điểm	Nguyễn Trung	Quân	Nam	9A4	Tp HCM	21-04-2004	KK28	4		
125	Khoa học tự nhiên	THCS Bàn Cờ	Huỳnh Võ Đức	Thịnh	Nam	9/1	TP.HCM	17-04-2004	KK29	4		
126	Khoa học tự nhiên	THCS Hai Bà Trưng	Lê Nguyễn Minh	Thư	Nữ	9/9	TP.Hồ Chí Minh	09-01-2004	KK30	4		
127	Khoa học tự nhiên	THCS Đoàn Thị Điểm	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	9A4	Tp HCM	08-02-2004	KK31	4		
128	Khoa học tự nhiên	THCS Lê lợi	Trần Ngọc Bảo	Thy	Nữ	9-2	TP Hồ Chí Minh	16-03-2004	KK32	4		
129	Khoa học tự nhiên	THCS Bàn Cờ	Đào Thanh	Trúc	Nữ	9/6	TP.HCM	12-10-2004	KK33	4		
130	Khoa học tự nhiên	THCS Bàn Cờ	Phạm Huỳnh Thanh	Trúc	Nữ	9/6	TP.HCM	18-06-2004	KK34	4		
131	Toán	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Đức Nam	Anh	Nam	9/6	TP.Hồ Chí Minh	23-08-2004	TT01	5		
132	Toán	THCS Kiến Thiết	Tăng Kim	Anh	Nữ	9A1	TP. HCM	16-02-2004	TT02	5		
133	Toán	THCS Kiến Thiết	Phùng Thị Ngọc	Ánh	Nữ	9A4	TP.HCM	13-03-2004	TT03	5		
134	Toán	THCS Lê Quý Đôn	Liêu Lin	Đan	Nữ	9_07	Tp HCM	15-01-2004	TT04	5		
135	Toán	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Hoàng	Danh	Nam	9_13	Tp HCM	20-03-2004	TT05	5		
136	Toán	THCS Colette	Trần Phan Anh	Danh	Nam	91	TP.HCM	01-06-2004	TT06	5		
137	Toán	THCS Bàn Cờ	Nguyễn Cao	Đạt	Nam	9/2	Long An	27-05-2004	TT07	5		
138	Toán	THCS Bạch Đằng	Phan Cảnh Bảo	Duy	Nam	9A1	Q1-TP Hồ Chí Minh	09-11-2004	TT08	5		
139	Toán	THCS Bàn Cờ	Trần Trọng	Hiếu	Nam	9/2	TP.HCM	25-02-2004	TT09	5		
140	Toán	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Tiến	Hưng	Nam	9_07	Tp HCM	09-04-2004	TT10	5		
141	Toán	THCS Hai Bà Trưng	Trần Nguyên	Khang	Nam	9/7	TP.Hồ Chí Minh	01-10-2004	TT11	5		
142	Toán	THCS Bạch Đằng	Đoàn Minh	Khanh	Nữ	9A3	Bình Dương	25-11-2004	TT12	5		
143	Toán	THCS Lê Quý Đôn	Hoàng Túy	Minh	Nam	9_07	Tp HCM	27-03-2004	TT13	5		
144	Toán	THCS Colette	Lê Quang	Minh	Nam	91	LÂM ĐỒNG	27-09-2004	TT14	5		
145	Toán	THCS Lê Quý Đôn	Lê Ái	My	Nữ	9_01	Tp.HCM	18-07-2004	TT15	5		
146	Toán	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Quang	Phú	Nam	9_07	Tp HCM	18-04-2004	TT16	5		
147	Toán	THCS Đoàn Thị Điểm	Quản Mai Hoàng	Phúc	Nam	9A2	Tp HCM	19-11-2004	TT17	5		
148	Toán	THCS Bạch Đằng	Nguyễn Thị Minh	Phương	Nữ	9A3	TP Hồ Chí Minh	04-09-2004	TT18	5		
149	Toán	THCS Lê lợi	Nguyễn Minh	Quân	Nam	9-10	TP Hồ Chí Minh	03-03-2004	TT19	5		
150	Toán	TH, THCS VÀ THPT QUỐC	Ngô Võ Minh	Thành	Nam	9/14	TP Hồ Chí Minh	07-04-2004	TT20	5		
151	Toán	THCS Hai Bà Trưng	Tất Huy	Thành	Nam	9/7	TP.Hồ Chí Minh	15-11-2004	TT21	5		
152	Toán	THCS Bàn Cờ	Phạm Hoàng Minh	Thư	Nữ	9/2	TP.HCM	10-07-2004	TT22	5		
153	Toán	TH, THCS VÀ THPT QUỐC	Trần Đoàn Minh	Thùy	Nữ	9/21	TP Hồ Chí Minh	03-01-2004	TT23	5		

STT	MÔN THI	TRƯỜNG	HỌ LÓT	TÊN	GIỚI TÍNH	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	SBD	PHÒNG THI	SỐ TỜ	KÝ TÊN
154	Toán	THCS Lê lợi	Lê Việt	Tín	Nam	9-10	TP Hồ Chí Minh	25-12-2004	TT24	5		
155	Toán	THCS Đoàn Thị Diễm	Nguyễn Công	Toàn	Nam	9A5	Tp HCM	10-01-2004	TT25	5		
156	Toán	THCS Lê lợi	Lã Trọng Thiên	Việt	Nam	9-1	TP Hồ Chí Minh	05-01-2004	TT26	5		
157	Vật lý	THCS Lê Quý Đôn	Phạm Trần Thanh	An	Nam	9_11	An Giang	11-06-2004	VL01	6		
158	Vật lý	THCS Phan Sào Nam	Vũ Phan Hoài	An	Nữ	9A2	TP.Hồ Chí Minh	17-08-2004	VL02	6		
159	Vật lý	THCS Kiến Thiết	Đỗ Vũ Nguyên	Anh	Nữ	9A1	Gia Lai	08-11-2004	VL03	6		
160	Vật lý	THCS Lê Quý Đôn	Hồ Việt	Bách	Nam	9_03	Tp HCM	06-12-2004	VL04	6		
161	Vật lý	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Trọng	Bách	Nam	9_15	Hà Nội	27-11-2004	VL05	6		
162	Vật lý	THCS Lê Quý Đôn	Phạm Gia	Bảo	Nam	9_07	Tp HCM	24-02-2004	VL06	6		
163	Vật lý	THCS Colette	Nguyễn Ngọc Kim	Chung	Nữ	94	HÀ NỘI	27-08-2004	VL07	6		
164	Vật lý	THCS Bạch Đằng	Đinh Duy Linh	Đan	Nữ	9A1	Q5-TP Hồ Chí Minh	14-03-2004	VL08	6		
165	Vật lý	THCS Kiến Thiết	Phạm Hải	Đăng	Nam	9A1	TP. HCM	03-12-2004	VL09	6		
166	Vật lý	THCS Lê Quý Đôn	Bùi Hữu Minh	Đức	Nam	9_01	Tp HCM	02-01-2004	VL10	6		
167	Vật lý	THCS Lương Thế Vinh	Nguyễn Ngọc	Duy	Nam	9/2	Hồ Chí Minh	18-06-2004	VL11	6		
168	Vật lý	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Ngọc	Hiền	Nữ	9/6	TP.Hồ Chí Minh	19-01-2004	VL12	6		
169	Vật lý	THCS Lê Quý Đôn	Lê Công	Hiếu	Nam	9_07	Tp HCM	02-04-2004	VL13	6		
170	Vật lý	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Ngọc	Huân	Nam	9_01	Tp HCM	29-07-2004	VL14	6		
171	Vật lý	THCS Lê lợi	Nguyễn Huỳnh Tấn	Khải	Nam	9-8	TP Hồ Chí Minh	07-02-2004	VL15	6		
172	Vật lý	THCS Bàn Cờ	Ngô Minh	Khôi	Nam	9/2	TP.HCM	14-05-2004	VL16	6		
173	Vật lý	THCS Lê lợi	Hoàng Khánh	Linh	Nữ	9-1	Hải Phòng	01-03-2004	VL17	6		
174	Vật lý	THCS Lương Thế Vinh	Nguyễn Thạch Thiên	Phúc	Nam	9/2	Hồ Chí Minh	16-03-2004	VL18	6		
175	Vật lý	THCS Đoàn Thị Diễm	Lý Mỹ	Phương	Nữ	9A4	Tp HCM	08-05-2004	VL19	6		
176	Vật lý	THCS Đoàn Thị Diễm	Đặng Ngọc	Quyên	Nữ	9A1	Tp HCM	22-02-2004	VL20	6		
177	Vật lý	THCS Colette	Trần Huỳnh Minh	Thanh	Nữ	92	TP.HCM	07-02-2004	VL21	6		
178	Vật lý	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Lê Xuân	Thịnh	Nam	9/6	TP.Hồ Chí Minh	07-01-2004	VL22	6		
179	Vật lý	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	9_02	Tp HCM	04-01-2004	VL23	6		
180	Vật lý	THCS Lê lợi	Nguyễn Minh	Trí	Nam	9-2	TP Hồ Chí Minh	05-02-2004	VL24	6		
181	Vật lý	TH, THCS VÀ THPT QUỐC	Phan Nguyễn Hải	Triều	Nam	9/13	TP Hồ Chí Minh	16-09-2004	VL25	6		
182	Vật lý	THCS Đoàn Thị Diễm	Phan Khánh	Trình	Nam	9A4	Tp HCM	28-09-2004	VL26	6		
183	Vật lý	THCS Hai Bà Trưng	Đỗ Nguyễn Khánh	Vy	Nữ	9/7	TP.Hồ Chí Minh	16-12-2004	VL27	6		
184	Vật lý	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	Nữ	9_10	Tp HCM	06-09-2004	VL28	6		
185	Tiếng Anh	THCS Lê Quý Đôn	Lê Lan	Anh	Nữ	9_13	Tp HCM	11-07-2004	AV01	7		
186	Tiếng Anh	THCS Lê Quý Đôn	Lê Trần Quỳnh	Anh	Nữ	9_07	Tp HCM	21-06-2004	AV02	7		
187	Tiếng Anh	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Khuê Thảo	Anh	Nữ	9/9	TP.Hồ Chí Minh	19-02-2004	AV03	7		
188	Tiếng Anh	THCS Phan Sào Nam	Đặng Quốc	Bảo	Nam	9A1	TP.Hồ Chí Minh	03-08-2004	AV04	7		
189	Tiếng Anh	TH, THCS VÀ THPT QUỐC	Đinh Hoàng	Dũng	Nam	9/20	TP Hồ Chí Minh	21-07-2004	AV05	7		
190	Tiếng Anh	THCS Hai Bà Trưng	Đinh Quỳnh	Giang	Nữ	9/9	TP.Hồ Chí Minh	22-04-2004	AV06	7		
191	Tiếng Anh	THCS Hai Bà Trưng	Lê Trường	Giang	Nam	9/7	TP.Hồ Chí Minh	17-02-2004	AV07	7		
192	Tiếng Anh	THCS Lê Quý Đôn	Trịnh Nguyên	Hà	Nữ	9_01	Tp HCM	08-11-2004	AV08	7		
193	Tiếng Anh	THCS Lê Quý Đôn	Dương Song	Hào	Nam	9_07	Tp HCM	06-10-2004	AV09	7		

STT	MÔN THI	TRƯỜNG	HỌ LÓT	TÊN	GIỚI TÍNH	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	SBD	PHÒNG THI	SỐ TỜ	KÝ TÊN
194	Tiếng Anh	THCS Kiến Thiết	Phùng Nguyễn Bảo	Huy	Nam	9A1	TP. HCM	21-07-2004	AV10	7		
195	Tiếng Anh	THCS Hai Bà Trưng	Trần Minh	Huy	Nam	9/7	TP.Hồ Chí Minh	01-03-2004	AV11	7		
196	Tiếng Anh	TH, THCS VÀ THPT QU	Trương Anh	Huy	Nam	9/4	TP Hồ Chí Minh	25-11-2004	AV12	7		
197	Tiếng Anh	THCS Lê Quý Đôn	Lê Uy	Khiêm	Nam	9_01	Tp HCM	07-07-2004	AV13	7		
198	Tiếng Anh	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Tạ Khánh	Linh	Nữ	9_02	Tp HCM	25-02-2004	AV14	7		
199	Tiếng Anh	THCS Lê Quý Đôn	Trương Khánh	Linh	Nữ	9_07	Khánh Hòa	03-10-2004	AV15	7		
200	Tiếng Anh	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Tiến	Mạnh	Nam	9_01	Cộng hòa Sec	27-06-2003	AV16	7		
201	Tiếng Anh	THCS Kiến Thiết	Nguyễn Vương Xuân	Nghi	Nữ	9A4	TP.HCM	11-05-2004	AV17	7		
202	Tiếng Anh	THCS Lê Quý Đôn	Lương Hoàng Thảo	Nguyên	Nữ	9_07	Tp HCM	19-10-2004	AV18	7		
203	Tiếng Anh	THCS Colette	Thân Trọng Thảo	Nguyên	Nữ	92	Phú Yên	22-07-2004	AV19	7		
204	Tiếng Anh	THCS Colette	Lê Minh	Nguyệt	Nữ	92	TP.HCM	11-08-2004	AV20	7		
205	Tiếng Anh	THCS Lê Quý Đôn	Trần Minh	Nhật	Nam	9_07	Tp HCM	17-09-2004	AV21	7		
206	Tiếng Anh	THCS Bạch Đằng	Cao Lê Yên	Nhi	Nữ	9A1	Q1-TP Hồ Chí Minh	05-05-2004	AV22	7		
207	Tiếng Anh	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Đăng Hoàng	Nhi	Nữ	9_02	Tp HCM	25-04-2004	AV23	7		
208	Tiếng Anh	THCS Bàn Cờ	Vũ Trần Kiều	Phan	Nữ	9/2	TP.HCM	30-05-2004	AV24	7		
209	Tiếng Anh	TH, THCS VÀ THPT QU	Nguyễn Hoàng	Quân	Nữ	9/1	TP Hồ Chí Minh	21-02-2004	AV25	7		
210	Tiếng Anh	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	9/7	Đồng Nai	15-07-2004	AV26	7		
211	Tiếng Anh	TH, THCS VÀ THPT QU	Nguyễn Võ Uyên	Thi	Nữ	9/13	TP Hồ Chí Minh	05-05-2004	AV27	7		
212	Tiếng Anh	TH, THCS VÀ THPT QU	Nguyễn Quốc Anh	Thư	Nữ	9/1	TP Hồ Chí Minh	31-05-2004	AV28	7		
213	Tiếng Anh	THCS Lê Quý Đôn	Phạm Thanh Bảo	Trân	Nữ	9_09	Tp HCM	07-06-2004	AV29	7		
214	Tiếng Anh	THCS Hai Bà Trưng	Lê Khắc	Viện	Nam	9/7	TP.Hồ Chí Minh	17-10-2004	AV30	7		
215	Địa lý	THCS Bạch Đằng	Nguyễn Thiên	Ấn	Nữ	9A6	TP Hồ Chí Minh	28-06-2004	DL01	8		
216	Địa lý	THCS Lương Thế Vinh	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	Nữ	9/1	Hồ Chí Minh	07-05-2004	DL02	8		
217	Địa lý	THCS Bạch Đằng	Nguyễn Vĩnh Gia	Bảo	Nam	9A1	Trà Vinh	01-03-2004	DL03	8		
218	Địa lý	THCS Lương Thế Vinh	Võ Lương Giao	Chi	Nữ	9/2	Daklak	03-11-2004	DL04	8		
219	Địa lý	THCS Bàn Cờ	Nguyễn Hoàng	Dung	Nữ	9/5	TP.HCM	09-01-2004	DL05	8		
220	Địa lý	THCS Colette	Trần Đình Anh	Duy	Nam	92	MONTPELLIER - Pháp	06-05-2004	DL06	8		
221	Địa lý	THCS Kiến Thiết	Nguyễn Gia	Huy	Nam	9A2	TP.HCM	05-12-2004	DL07	8		
222	Địa lý	THCS Kiến Thiết	Đỗ Uyên	Khanh	Nữ	9A1	TP. HCM	27-07-2004	DL08	8		
223	Địa lý	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	9_10	Tp HCM	01-11-2004	DL09	8		
224	Địa lý	THCS Lương Thế Vinh	Lương Gia	Mẫn	Nữ	9/1	Hồ Chí Minh	04-02-2004	DL10	8		
225	Địa lý	THCS Hai Bà Trưng	Lê Kim	Ngân	Nữ	9/9	TP.Hồ Chí Minh	19-10-2004	DL11	8		
226	Địa lý	THCS Colette	Nguyễn Gia	Nghi	Nữ	95	Q.1-TP.HCM	22-04-2004	DL12	8		
227	Địa lý	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Ngọc Phương	Nghi	Nữ	9/9	Khánh Hòa	08-08-2004	DL13	8		
228	Địa lý	THCS Lê lợi	Dương Nguyên	Ngọc	Nữ	9-1	TP Hồ Chí Minh	05-03-2004	DL14	8		
229	Địa lý	THCS Bàn Cờ	Lê Triệu Hồng	Ngọc	Nữ	9/5	TP.HCM	04-03-2004	DL15	8		
230	Địa lý	THCS Hai Bà Trưng	Lê Minh	Nhật	Nam	9/9	TP.Hồ Chí Minh	10-05-2004	DL16	8		
231	Địa lý	THCS Lê lợi	Nguyễn Thanh Thiên	Phúc	Nam	9-1	TP Hồ Chí Minh	01-06-2004	DL17	8		
232	Địa lý	THCS Lương Thế Vinh	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	Nữ	9/1	Hồ Chí Minh	13-01-2004	DL18	8		
233	Địa lý	THCS Kiến Thiết	Ông Thiên	Phúc	Nữ	9A3	TP.HCM	17-02-2004	DL19	8		

STT	MÔN THI	TRƯỜNG	HỌ LÓT	TÊN	GIỚI TÍNH	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	SBD	PHÒNG THI	SỐ TỜ	KÝ TÊN
234	Địa lý	THCS Lê lợi	Bùi Hồ Hà	Phương	Nữ	9-3	TP Hồ Chí Minh	08-08-2004	DL20	8		
235	Địa lý	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Cẩm	Thu	Nữ	9_06	Tp HCM	04-05-2004	DL21	8		
236	Địa lý	THCS Lê lợi	Nguyễn Huỳnh Phương	Thu	Nữ	9-5	TP Hồ Chí Minh	23-01-2004	DL22	8		
237	Địa lý	THCS Hai Bà Trưng	Đỗ Minh	Thư	Nữ	9/9	TP.Hồ Chí Minh	27-07-2004	DL23	8		
238	Địa lý	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Lê Minh	Thư	Nữ	9/8	Tây Ninh	04-08-2004	DL24	8		
239	Địa lý	THCS Lê lợi	Trương Hà Mỹ	Tiên	Nữ	9-3	TP Hồ Chí Minh	19-11-2004	DL25	8		
240	Địa lý	THCS Phan Sào Nam	Nguyễn Lê Ngọc	Trâm	Nữ	9A1	TP.Hồ Chí Minh	19-10-2004	DL26	8		
241	Địa lý	THCS Colette	Bùi Hoàng Anh	Tú	Nam	94	TP.HCM	15-12-2004	DL27	8		
242	Địa lý	THCS Colette	Trần Lê Khánh	Tường	Nữ	92	TP.HCM	18-01-2004	DL28	8		
243	Địa lý	THCS Lê lợi	Nguyễn Lợi Tường	Vân	Nữ	9-1	TP Hồ Chí Minh	21-11-2004	DL29	8		
244	Địa lý	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Ngọc	Xuân	Nữ	9/7	TP.Hồ Chí Minh	15-08-2004	DL30	8		
245	Công nghệ	THCS Lê Quý Đôn	Trịnh Ngọc Hiếu	Nghĩa	Nam	9_04	Tp HCM	05-02-2004	CN01	9		
246	Lịch sử	THCS Lê lợi	Bàng Quỳnh	Anh	Nữ	9-1	Bình Định	13-08-2004	LS01	9		
247	Lịch sử	THCS Lê lợi	Trương Đan	Huy	Nam	9-2	TP Hồ Chí Minh	18-10-2004	LS02	9		
248	Lịch sử	THCS Kiến Thiết	Hồ Tuấn	Kiệt	Nam	9A1	TP. HCM	13-09-2004	LS03	9		
249	Lịch sử	THCS Colette	Phạm Đức	Nghị	Nam	95	TP. HCM	12-04-2004	LS04	9		
250	Lịch sử	THCS Lê lợi	Lữ Quỳnh	Nhi	Nữ	9-1	TP Hồ Chí Minh	10-10-2004	LS05	9		
251	Lịch sử	THCS Kiến Thiết	Lý Anh	Quân	Nam	9A5	TPHCM	16-09-2004	LS06	9		
252	Lịch sử	THCS Lê Quý Đôn	Huỳnh Minh	Quang	Nam	9_07	Tp HCM	29-12-2004	LS07	9		
253	Lịch sử	THCS Lê lợi	Lê Thanh	Sang	Nam	9-5	TP Hồ Chí Minh	04-10-2004	LS08	9		
254	Lịch sử	THCS Lê lợi	Bạch Minh	Thiện	Nam	9-2	TP Hồ Chí Minh	05-11-2004	LS09	9		
255	Lịch sử	THCS Lê Quý Đôn	Lê Đình Minh	Trí	Nam	9_12	Tp HCM	07-11-2004	LS10	9		
256	Lịch sử	THCS Lê Quý Đôn	Trần Võ Minh	Trí	Nam	9_12	Tp HCM	05-08-2004	LS11	9		
257	Lịch sử	THCS Bạch Đằng	Nguyễn Hữu Cát	Tường	Nữ	9A6	TP Hồ Chí Minh	22-12-2004	LS12	9		
258	Ngữ văn	THCS Lê Quý Đôn	Đỗ Thụy Vi	An	Nữ	9_14	Tp HCM	03-10-2004	VV01	10		
259	Ngữ văn	THCS Hai Bà Trưng	Đặng Hải Duy	Ấn	Nam	9/9	TP.Hồ Chí Minh	04-05-2004	VV02	10		
260	Ngữ văn	THCS Lê Quý Đôn	Lai Ngọc Trâm	Anh	Nữ	9_12	Tp HCM	01-06-2004	VV03	10		
261	Ngữ văn	TH, THCS VÀ THPT QUỲNH	Ngô Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	9/21	TP Hồ Chí Minh	21-02-2004	VV04	10		
262	Ngữ văn	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Đan	Dung	Nữ	9_15	Tp HCM	31-03-2004	VV05	10		
263	Ngữ văn	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	9/7	TP.Hồ Chí Minh	08-10-2004	VV06	10		
264	Ngữ văn	THCS Colette	Nguyễn Thị Chi	Lan	Nữ	93	TP.HCM	16-10-2004	VV07	10		
265	Ngữ văn	THCS Bàn Cờ	Phạm Trang	Linh	Nữ	9/2	Hải Phòng	22-02-2004	VV08	10		
266	Ngữ văn	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Lê Hải	My	Nữ	9/9	TP.Hồ Chí Minh	12-08-2004	VV09	10		
267	Ngữ văn	THCS Kiến Thiết	Lê Hoàng	Nam	Nam	9A2	TP.HCM	20-07-2004	VV10	10		
268	Ngữ văn	THCS Kiến Thiết	Trần Phương	Nghi	Nữ	9A1	TP. HCM	30-05-2004	VV11	10		
269	Ngữ văn	THCS Hai Bà Trưng	Hoàng	Ngọc	Nữ	9/7	TP.Hồ Chí Minh	07-07-2004	VV12	10		
270	Ngữ văn	THCS Kiến Thiết	Võ Thị Tổ	Nhi	Nữ	9A1	Gia Lai	29-10-2004	VV13	10		
271	Ngữ văn	THCS Lê Quý Đôn	Phạm Minh	Quyên	Nữ	9_01	Tp HCM	02-09-2004	VV14	10		
272	Ngữ văn	THCS Lê lợi	Phạm Thúy	Quỳnh	Nữ	9-2	TP Hồ Chí Minh	08-03-2004	VV15	10		
273	Ngữ văn	THCS Lê Quý Đôn	Trần Như	Quỳnh	Nữ	9_07	Tp HCM	25-01-2004	VV16	10		

STT	MÔN THI	TRƯỜNG	HỌ LÓT	TÊN	GIỚI TÍNH	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	SBD	PHÒNG THI	SỐ TỜ	KÝ TÊN
274	Ngữ văn	THCS Colette	Trần Thanh	Thanh	Nữ	92	TP.HCM	06-09-2004	VV17	10		
275	Ngữ văn	THCS Colette	Lê Phan Anh	Thư	Nữ	91	TP.HCM	10-08-2004	VV18	10		
276	Ngữ văn	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Hoàng Nhật	Tiên	Nữ	9_07	Tp HCM	02-02-2004	VV19	10		
277	Ngữ văn	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	Nữ	9_07	Tp HCM	21-04-2004	VV20	10		
278	Ngữ văn	THCS Thăng Long	Trần Ngọc Bảo	Trân	Nữ	9A1	Tp. HCM	11-07-2004	VV21	10		
279	Ngữ văn	THCS Kiến Thiết	Nguyễn Lê Minh	Trang	Nữ	9A1	Hà Nội	10-03-2004	VV22	10		
280	Ngữ văn	THCS Kiến Thiết	Tổng Đặng Khánh	Vinh	Nam	9A2	TP.HCM	25-09-2004	VV24	10		
281	Ngữ văn	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Đan	Vy	Nữ	9/7	TP.Hồ Chí Minh	12-07-2004	VV25	10		
282	Ngữ văn	THCS Lê lợi	Nguyễn Hiền	Xuân	Nữ	9-2	TP Hồ Chí Minh	08-03-2004	VV26	10		
283	Tin học	THCS Hai Bà Trưng	Lương Đăng	Doanh	Nam	9/8	TP.Hồ Chí Minh	09-09-2004	Ti01	11		
284	Tin học	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Hoàng Ngọc	Hân	Nữ	9_02	Tp.HCM	24-02-2004	Ti02	11		
285	Tin học	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Hoàng Anh	Huân	Nam	9/6	TP.Hồ Chí Minh	16-01-2004	Ti03	11		
286	Tin học	THCS Hai Bà Trưng	Lâm Tuấn	Kiệt	Nam	9/6	TP.Hồ Chí Minh	13-05-2004	Ti04	11		
287	Tin học	THCS Hai Bà Trưng	Trần Thành	Long	Nam	9/8	TP.Hồ Chí Minh	25-09-2004	Ti05	11		
288	Tin học	THCS Lê Quý Đôn	Dương Tài	Toàn	Nam	9_01	Tp HCM	20-10-2004	Ti06	11		
289	Tin học	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Đức Minh	Trí	Nam	9/6	TP.Hồ Chí Minh	26-10-2004	Ti07	11		
290	Tin học	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Gia	Vĩ	Nam	9/9	TP.Hồ Chí Minh	09-02-2004	Ti08	11		
291	Thực nghiệm KHTN	THCS Lê Quý Đôn	Hà Quỳnh	Anh	Nữ	9_15	Hà Nội	08-04-2004	TN01	12		
292	Thực nghiệm KHTN	THCS Lê Quý Đôn	Phan Ngọc Châu	Anh	Nữ	9_15	Tp HCM	14-01-2004	TN02	12		
293	Thực nghiệm KHTN	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Hoàng Bảo	Châu	Nữ	9_15	Tp HCM	25-11-2004	TN03	12		
294	Thực nghiệm KHTN	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Trần Hạo	Đông	Nam	9_15	Tp HCM	13-10-2004	TN04	12		
295	Thực nghiệm KHTN	THCS Lê Quý Đôn	Võ Khánh	Giang	Nữ	9_16	Bình Định	18-12-2004	TN05	12		
296	Thực nghiệm KHTN	THCS Phan Sào Nam	Nhan Thúy	Hạnh	Nữ	9A1	TP.Hồ Chí Minh	07-05-2004	TN06	12		
297	Thực nghiệm KHTN	THCS Lê Quý Đôn	Lê Thái	Hân	Nữ	9_07	Tp HCM	13-01-2004	TN07	12		
298	Thực nghiệm KHTN	THCS Lê Quý Đôn	Cao Gia	Huy	Nam	9_15	Tp HCM	28-05-2004	TN08	12		
299	Thực nghiệm KHTN	THCS Kiến Thiết	Trịnh Thị Bích	Huyền	Nữ	9A3	TP.HCM	16-03-2004	TN09	12		
300	Thực nghiệm KHTN	THCS Kiến Thiết	Hà Kim	Khang	Nam	9A3	TP.HCM	23-10-2004	TN10	12		
301	Thực nghiệm KHTN	THCS Bàn Cờ	Nguyễn Minh	Khánh	Nam	9/1	TP.HCM	04-02-2004	TN11	12		
302	Thực nghiệm KHTN	THCS Lê Quý Đôn	Trần Ngọc Minh	Khánh	Nữ	9_07	Tp HCM	26-03-2004	TN12	12		
303	Thực nghiệm KHTN	THCS Kiến Thiết	Đinh Như	Linh	Nữ	9A3	TP.HCM	15-11-2004	TN13	12		
304	Thực nghiệm KHTN	THCS Phan Sào Nam	Phan Thụy Phương	Nghi	Nữ	9A1	TP.Hồ Chí Minh	14-03-2004	TN14	12		
305	Thực nghiệm KHTN	THCS Kiến Thiết	Phan Hồng	Ngọc	Nữ	9A4	TP.HCM	05-08-2004	TN15	12		
306	Thực nghiệm KHTN	THCS Phan Sào Nam	Trần Quang	Nhân	Nam	9A1	TP.Hồ Chí Minh	13-07-2004	TN16	12		
307	Thực nghiệm KHTN	THCS Lê Quý Đôn	Đặng Lê Ánh	Nhi	Nữ	9_16	Tp HCM	20-11-2004	TN17	12		
308	Thực nghiệm KHTN	THCS Lê Quý Đôn	Phạm Phương	Nhi	Nữ	9_15	Tp HCM	26-04-2004	TN18	12		
309	Thực nghiệm KHTN	THCS Kiến Thiết	Mã Kim	Phát	Nam	9A3	TP.HCM	13-10-2004	TN19	12		
310	Thực nghiệm KHTN	THCS Lê Quý Đôn	Phùng Phú	Sang	Nam	9_15	Tp HCM	09-04-2004	TN20	12		
311	Thực nghiệm KHTN	THCS Bàn Cờ	Nguyễn Gia	Thuận	Nam	9/1	Đà Nẵng	28-08-2004	TN21	12		
312	Thực nghiệm KHTN	THCS Kiến Thiết	Lê Ngân Phương	Trâm	Nữ	9A3	TP.HCM	15-01-2004	TN22	12		
313	Thực nghiệm KHTN	THCS Lê Quý Đôn	Phạm Gia	Trí	Nam	9_15	Tp HCM	07-05-2004	TN23	12		

STT	MÔN THI	TRƯỜNG	HỌ LÓT	TÊN	GIỚI TÍNH	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	SBD	PHÒNG THI	SỐ TỜ	KÝ TÊN
314	Thực nghiệm KHTN	THCS Phan Sào Nam	Nguyễn Hoàng Phi	Yến	Nữ	9A1	TP.Hồ Chí Minh	08-11-2004	TN24	12		
315	Thực nghiệm KHTN	THCS Colette	Bùi Trâm	Anh	Nữ	91	TP.HCM	12-09-2004	TN01	13		
316	Thực nghiệm KHTN	THCS Bạch Đằng	Quách Bằng	Bằng	Nữ	9A3	TP Hồ Chí Minh	20-12-2004	TN02	13		
317	Thực nghiệm KHTN	THCS Bạch Đằng	Nguyễn Phúc	Duy	Nam	9A3	TP. Hồ Chí Minh	30-06-2004	TN03	13		
318	Thực nghiệm KHTN	THCS Colette	Nguyễn Xuân Hải	Hà	Nữ	93	TP.HCM	13-06-2004	TN04	13		
319	Thực nghiệm KHTN	THCS Hai Bà Trưng	Kiều Minh	Hùng	Nam	9/6	TP.Hồ Chí Minh	16-11-2004	TN05	13		
320	Thực nghiệm KHTN	THCS Hai Bà Trưng	Đình Hoàng	Khang	Nam	9/7	Đắc Lắc	12-01-2004	TN06	13		
321	Thực nghiệm KHTN	THCS Hai Bà Trưng	Phạm Bảo	Khang	Nam	9/8	TP.Hồ Chí Minh	18-06-2004	TN07	13		
322	Thực nghiệm KHTN	THCS Bạch Đằng	Quách Bảo	Khang	Nam	9A3	TP Hồ Chí Minh	19-05-2004	TN08	13		
323	Thực nghiệm KHTN	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Như Tùng	Khanh	Nữ	9/6	TP.Hồ Chí Minh	13-08-2004	TN09	13		
324	Thực nghiệm KHTN	THCS Bạch Đằng	Hồ Đăng	Khôi	Nam	9A1	Q1-TP Hồ Chí Minh	25-05-2004	TN10	13		
325	Thực nghiệm KHTN	THCS Colette	Châu Lâm Tú	Linh	Nữ	93	TP.HCM	19-09-2004	TN11	13		
326	Thực nghiệm KHTN	THCS Colette	Võ Lương Khánh	Linh	Nữ	93	Hà Nội	10-08-2004	TN12	13		
327	Thực nghiệm KHTN	THCS Colette	Trần Thanh Huỳnh	Mai	Nữ	91	TP.HCM	17-12-2004	TN13	13		
328	Thực nghiệm KHTN	THCS Bạch Đằng	Nguyễn Hải	Minh	Nữ	9A3	TP Hồ Chí Minh	07-05-2004	TN14	13		
329	Thực nghiệm KHTN	THCS Bạch Đằng	Cao Lê Hương Bảo	Nghi	Nữ	9A3	Q1, TP Hồ Chí Minh	05-06-2004	TN15	13		
330	Thực nghiệm KHTN	THCS Bạch Đằng	Đoàn Nguyễn Tuyết	Nhi	Nữ	9A1	Q1-TP Hồ Chí Minh	24-10-2004	TN16	13		
331	Thực nghiệm KHTN	THCS Hai Bà Trưng	Lê Trúc	Quỳnh	Nữ	9/6	TP.Hồ Chí Minh	02-10-2004	TN17	13		
332	Thực nghiệm KHTN	THCS Bạch Đằng	Nguyễn Ngô Giang	Sang	Nam	9A3	TP Hồ Chí Minh	21-10-2004	TN18	13		
333	Thực nghiệm KHTN	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Hồ Bảo	Thiên	Nữ	9/6	TP.Hồ Chí Minh	22-11-2004	TN19	13		
334	Thực nghiệm KHTN	THCS Colette	Phạm Ngọc	Thy	Nữ	93	TP.HCM	01-08-2004	TN20	13		
335	Thực nghiệm KHTN	THCS Hai Bà Trưng	Đỗ Hoàng Phúc	Vinh	Nam	9/6	TP.Hồ Chí Minh	09-05-2004	TN21	13		
336	Thực nghiệm KHTN	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy	Nữ	9/6	TP.Hồ Chí Minh	08-10-2004	TN22	13		
337	Thực nghiệm KHTN	THCS Hai Bà Trưng	Phan Nhật Khánh	Vy	Nữ	9/6	TP.Hồ Chí Minh	03-09-2004	TN23	13		
338	Thực nghiệm KHTN	THCS Hai Bà Trưng	Đỗ Như	Ý	Nữ	9/6	TP.Hồ Chí Minh	01-02-2004	TN24	13		

* Tổng cộng danh sách có tất cả 338 học sinh.

Ghi chú: Trường kiểm tra danh sách học sinh, thông báo cho học sinh biết số báo danh, phòng thi (*không cần in thẻ dự thi*) . **Học sinh mang theo thẻ học sinh khi đi thi.**